Nội dung bài viết

1. Đề thi môn Toán lớp 3 học kì 2 năm 2021 - 2022 - Đề số 1
    0. Đáp án đề thi học kì 2 môn Toán lớp 3 năm 2021 - 2022 (Đề số 1)
2. Đề thi Toán lớp 3 kì 2 năm 2021 - 2022 (Đề số 2)
    0. Đáp án đề thi môn Toán lớp 3 học kì 2 năm 2021 - 2022 (Đề số 2)
3. Đề toán lớp 3 kì 2 năm 2021 - 2022 (Đề số 3)
    0. Đáp án đề thi học kì 2 lớp 3 môn Toán năm 2021 - 2022 (Đề số 3)

Đề thi môn Toán lớp 3 học kì 2 năm 2021 - 2022 - Đề số 1

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Số liền trước của số 9999 là:

A. 10000.

B. 10001.

C. 9998.

D. 9997.

Câu 2: 23dm = ... cm. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. 23 cm.

B. 220 cm.

C. 203 cm.

D. 230 cm.

Câu 3: Chọn đáp án sai

A. 5 phút = 180 giây

B. B. 2dm = 20cm

C. Tháng 5 có 31 ngày

D. Đường kính dài gấp đôi bán kính

Câu 4: Hình vuông có cạnh 5cm. Diện tích hình vuông là:

A. $20cm^2$

B. 20cm

C. $25cm^2$

D. 25cm

Câu 5: Kết quả của phép chia 3669 : 3 là

A. 1221

B. 1222

C. 1223

D. 1224

Câu 6: Một hình vuông có chu vi 12cm. Cạnh hình vuông là:

A. 3cm

B. 4cm

C. 5cm

D. 6cm

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

a. 31742 + 16092

b. 14670 – 2451

c. 45132 x 4

d. 32670 : 5

Câu 2: Cho các số 76832, 78632, 73286, 73268, 72386. Hãy sắp xếp các số:

a. Theo thứ tự từ bé đến lớn.

b. Theo thứ tự từ lớn đến bé.

Câu 3: Có 30 học sinh được xếp thành 5 hàng đều nhau. Hỏi 126 học sinh thì xếp được bao nhiêu hàng như thế?

Câu 4: Tính giá trị biểu thức: 13056 + 2472 : 2

Đáp án đề thi học kì 2 môn Toán lớp 3 năm 2021 - 2022 (Đề số 1)

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	D	A	C	C	A

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1 (3 điểm): Mỗi phép tính đúng được 0,75 điểm:

a.
$$\begin{array}{r} 31742 \\ +\ 16092 \\ \hline 47834 \end{array}$$

b.
$$\begin{array}{r} 14670 \\ -\ 2451 \\ \hline 12219 \end{array}$$

c.
$$\begin{array}{r} 45132 \\ \times \quad 4 \\ \hline 180528 \end{array}$$

d.
$$\begin{array}{r|l} 32670 & 5 \\ \hline 26 & 6534 \\ 17 & \\ 20 & \\ 0 & \end{array}$$

Câu 2 (2 điểm):

a) (1điểm) 72386; 73268; 73286; 76832; 78632.

b) (1điểm) 78632; 76832; 73286; 73268; 72386

Câu 3 (2 điểm):

Mỗi hàng có số học sinh là:

30 : 5 = 6 (học sinh)

126 học sinh xếp được số hàng là:

126 : 6 = 21 (hàng)

Đáp số: 21 hàng

Câu 4 (1 điểm):

13056 + 2472 : 2 = 13056 + 1236 = 14292

Đề thi Toán lớp 3 kì 2 năm 2021 - 2022 (Đề số 2)

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tổng của 47 856 và 35 687 là:

A. 83433

B. 82443

C. 83543

D. 82543

Câu 2: Số nhỏ nhất có 4 chữ số là:

A. 1011

B. 1001

C. 1000

D. 1111

Câu 3: Hôm nay là thứ năm. Hỏi 100 ngày sau là thứ mấy trong tuần?

A. Thứ tư.

B. Thứ sáu.

C. Thứ năm.

D. Thứ bẩy.

Câu 4: Diện tích một hình vuông là 9 cm^2. Hỏi chu vi hình vuông đó là bao nhiêu?

A. 3 cm

B. 12 cm

C. 4 cm

D. 36 cm

Câu 5: Số 12 được viết bằng chữ số La Mã là:

A. XI

B. XII

C. VVII

D. IIX

Câu 6: Biết 356a7 > 35679, giá trị của a là:

A. 0

B. 10

C. 7

D. 9

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính:

a. 40843 + 32 629

b. 39011 – 37 246

c. 3608 x 4

d. 19995 : 5

Câu 2: Có 56 cái bánh được xếp vào 8 hộp. Hỏi có 40068 cái bánh cùng loại thì xếp được vào bao nhiêu hộp như thế

Câu 3: Một hình chữ nhật có chiều dài $3dm^2$ cm, chiều rộng 9 cm. Tính diện tích hình chữ nhật đó

Câu 4: Tìm x: x × 2 = 3998

Đáp án đề thi môn Toán lớp 3 học kì 2 năm 2021 - 2022 (Đề số 2)

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	D	B	B	D

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1: Mỗi phép tính đúng được 0,5 điểm:

a. 40843 + 32 629

b. 39011 – 37 246

c. 3608 x 4

d. 19995 : 5

a.
$$\begin{array}{r} 40843 \\ +\ 32629 \\ \hline 73472 \end{array}$$

b.
$$\begin{array}{r} 39011 \\ -\ 37246 \\ \hline 1765 \end{array}$$

c.
$$\begin{array}{r} 3608 \\ \times\ \ 4 \\ \hline 14432 \end{array}$$

d.

```
19995 | 5
 49   |-----
      | 3999
  49
   45
    0
```

Câu 2 (2 điểm):

Mỗi hộp xếp được số bánh là

56 : 8 = 7 (cái bánh)

40068 cái bánh cùng loại thì xếp được vào số hộp là

40068 : 7 = 5724 (hộp)

Đáp số: 5724 hộp

Câu 3 (2 điểm):

Đổi $3dm^2$ cm = 32 cm

Diện tích hình chữ nhật đã cho là

32 x 9 = 288 (cm^2)

Đáp số: 288 cm^2

Câu 4 (1 điểm):

x × 2 = 3998

x = 3998 : 2

x = 1999

Đề toán lớp 3 kì 2 năm 2021 - 2022 (Đề số 3)

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm) Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Giá trị của chữ số 5 trong số 25 403 là:

A. 5000

B. 50 000

C. 500

D. 50

Câu 2: Số liền sau số 56 789 là :

A. 56 000

B. 56 700

C. 56 780

D. 56 790

Câu 3: Em có 16 viên bi, em chia cho mỗi bạn 2 viên bi. Sau khi chia xong kết quả số bạn được chia là:

A. 8 bạn, còn thừa 1 viên

B. 7 bạn, còn thừa 1 viên

C. 7 bạn

D. 8 bạn

Câu 4: Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng : Đồng hồ chỉ mấy giờ ?

A. 10 giờ 2 phút

B. 2 giờ 50 phút

C. 10 giờ 10 phút

D. 2 giờ 10 phút

Câu 5: Kết quả phép tính 86149 + 12735 là:

A. 98885

B. 98874

C. 98884

D.98875

Câu 6: Chọn đáp án sai

A. Hình vuông có cạnh là 10cm. Diện tích hình vuông đó là $100cm^2$.

B. Hình chữ nhật có chiều dài là 7cm, chiều rộng là 5cm. Chu vi hình chữ nhật là 24cm.

C. Hình chữ nhật có chiều dài là 7cm, chiều rộng là 2cm. Diện tích hình chữ nhật là $18cm^2$.

D. Hình vuông có cạnh là 4cm. Chu vi hình vuông đó là 16 cm.

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1:

a. Điền vào chỗ chấm cho thích hợp:

7m 4cm =……cm

1km = …… m

b. Viết các số 30 620 ; 8258 ; 31 855 ; 16 999 theo thứ tự từ bé đến lớn.

Câu 2: Đặt tính rồi tính:

a) 10670 x 6

b) 18 872 : 4

Câu 3: Mua 5 quyển vở hết 35 000 đồng. Hỏi nếu mua 3 quyển vở như thế thì hết bao nhiêu tiền ?

Câu 4: Tìm một số biết rằng khi gấp số đó lên 4 lần rồi giảm 3 lần thì được 12.

Đáp án đề thi học kì 2 lớp 3 môn Toán năm 2021 - 2022 (Đề số 3)

Phần I. Trắc nghiệm (3 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm:

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	D	D	C	C	C

Phần II. Tự luận (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

a. Điền vào chỗ chấm cho thích hợp:

7m 4cm = 704 cm

1km = 1000 m

b. 8258, 16 999, 30 620, 31 855

Câu 2 (2 điểm):

a) 10670 x 6

b) 18 872 : 4

a)

$$\begin{array}{r} 10670 \\ \times \quad 6 \\ \hline 64020 \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r|l} 18872 & 4 \\ \hline 28 & 4718 \\ 7 & \\ 32 & \\ 0 & \end{array}$$

Câu 3 (2 điểm):

Một quyển vở có giá tiền là

35000 : 5 = 7000 (đồng)

Mua 3 quyển vở hết số tiền là

7000 x 3 = 21000 (đồng)

Đáp số : 21000 đồng

Câu 4 (1 điểm):

Số đó sau khi gấp lên 4 lần thì được

12 x 3 = 36

Số cần tìm là

36 : 4 = 9

Đáp số: 9